

NGHIÊN CỨU THANH TOÁN QUA TÀI KHOẢN CÁ NHÂN TRONG TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN TẠI VIỆT NAM

Phan Thị Thanh Huyền*, Đinh Thị Ngọc Oanh

Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thúc đẩy người dân sử dụng tài khoản cá nhân để thanh toán là một trong những nội dung quan trọng trong phát triển tài chính toàn diện bởi thanh toán qua tài khoản giúp giảm chi phí, an toàn, tăng tính minh bạch, góp phần phát triển kinh tế bền vững. Sử dụng bộ dữ liệu Global Findex của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, bài báo thực hiện khảo sát thực trạng người dân sử dụng tài khoản để thanh toán. Qua đó tác giả áp dụng phương pháp phân tích thống kê hồi quy Binary Logistic để đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về nhân khẩu học tới sử dụng tài khoản cá nhân trong thanh toán tại Việt Nam. Kết quả cho thấy tuổi, trình độ học vấn và thu nhập đều có ảnh hưởng tới việc cá nhân sử dụng tài khoản để thanh toán. Trong đó trình độ học vấn, thu nhập là hai nhân tố có mối tương quan dương với thanh toán qua tài khoản. Mối quan hệ giữa tuổi và thanh toán qua tài khoản cá nhân là phi tuyến. Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm thúc đẩy thanh toán qua tài khoản cá nhân trong tài chính toàn diện tại Việt Nam.

Từ khóa: *Tài chính toàn diện; thanh toán; nhân khẩu học; hồi quy Binary Logistics; tài khoản cá nhân.*

Ngày nhận bài: 03/6/2020; Ngày hoàn thiện: 26/6/2020; Ngày đăng: 30/6/2020

PAYMENT RESEARCH THROUGH PERSONAL ACCOUNT IN VIETNAMESE FINANCIAL INCLUSION

Phan Thi Thanh Huyen*, Dinh Thi Ngoc Oanh

TNU - University of Information and Communication Technology

ABSTRACT

Promoting people to use personal accounts for payment is one of the important contents in financial inclusion development because payment through accounts helps reduce costs, safety, increase transparency, and contribute to sustainable economic development. Using the Global Findex database of the World Bank in Vietnam, the paper conducts Vietnamese people using their accounts for payment. Thereby, the author applied the Binary Logistic regression statistical analysis method to evaluate the impact of demographic factors on the use of personal accounts in payment in Vietnam. The results show that the age, education level, and income all affect the individuals using the account to pay. In which educational attainment, income are two factors that have a positive correlation of payments through the account. The relationship between age and payments via personal accounts is nonlinear. From the research results, many policy implications are proposed to promote personal account payments in comprehensive finance in Vietnam.

Keywords: *Financial inclusion; payment; demographic; Binary Logistics regression; personal account.*

Received: 03/6/2020; Revised: 26/6/2020; Published: 30/6/2020

* Corresponding author. Email: ptthuyen@ictu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Theo định nghĩa của Ngân hàng thế giới thì tài chính toàn diện (Financial Inclusion) có nghĩa là các cá nhân và doanh nghiệp có thể tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính – các giao dịch, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm – đáp ứng nhu cầu của họ với mức chi phí hợp lý, được cung cấp theo một cách thức có trách nhiệm và bền vững. Tài chính toàn diện được đánh giá theo 3 tiêu chí: Tiếp cận các dịch vụ tài chính; sử dụng dịch vụ tài chính; chất lượng của sản phẩm và dịch vụ tài chính.

Tài chính toàn diện có vị trí rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của một quốc gia [1]. Ngân hàng Thế giới coi tài chính toàn diện là một yếu tố quyết định để giảm nghèo cùng cực và thúc đẩy sự thịnh vượng chung. Khả năng có thể tiếp cận tới một tài khoản để giao dịch là bước đầu tiên trong tiến trình phát triển rộng hơn của tài chính toàn diện. Bởi vì khi người dân có một tài khoản giao dịch cho phép cất, gửi, nhận tiền cho phép thực hiện các khoản thanh toán, họ sẽ hưởng tới những dịch vụ tài chính khác. Đó là lý do tại sao mục tiêu đảm bảo rằng mọi người trên thế giới có thể tiếp cận một tài khoản thanh toán được coi là mục tiêu trọng tâm của Ngân hàng thế giới. Tăng cường sử dụng tài khoản để thanh toán trong các giao dịch là bước tiếp theo đối với những quốc gia có hơn 80% dân số có tài khoản. Những quốc gia này cần thực hiện hỗ trợ cải cách, đổi mới khu vực tư nhân, thúc đẩy mở tài khoản với chi phí thấp, tăng cường thanh toán di động và trợ giúp kỹ thuật.

Đánh giá được tầm quan trọng của tài chính toàn diện đối với phát triển bền vững, từ năm 2010 đã hơn 55 quốc gia đã thực hiện cam kết về tài chính toàn diện và hơn 60 quốc gia đã ban hành hoặc phát triển một chiến lược tài chính toàn diện cấp quốc gia. Tại Việt Nam, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến

năm 2030 [2]. Trong đó có nêu rõ mục tiêu của chiến lược là mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững.

Cơ sở dữ liệu chỉ số tài chính toàn cầu (The global Findex database) của Ngân hàng thế giới năm 2017 cho thấy hiện nay gần 1/4 những người trưởng thành nhận khoản thanh toán từ chính phủ như tiền lương khu vực công, lương hưu, phúc lợi xã hội (các khoản hỗ trợ, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp giáo dục, trợ cấp y tế) [1]. Ở những quốc gia phát triển 43% số người trưởng thành nhận được những khoản thanh toán như vậy từ chính phủ, khoản tiền nhận được ở các nước đang phát triển chỉ bằng một nửa. Ngoài trừ những quốc gia nghèo nhất, phần lớn những người nhận các khoản thanh toán từ chính phủ là bằng tài khoản của mình. 28% số người được hỏi nhận tiền lương từ khu vực tư, trong đó có 46% ở những quốc gia phát triển và 24% là ở quốc gia đang phát triển. Trong đó ở những quốc gia có nền kinh tế phát triển phần lớn nhận các khoản thanh toán vào một tài khoản, con số này chỉ là 50% ở các quốc gia đang phát triển. Khoảng 15% người trưởng thành ở nước đang phát triển nhận khoản thanh toán từ bán các sản phẩm nông nghiệp và hầu hết nhận những khoản thanh toán này bằng tiền mặt. Nhưng ở một số quốc gia cận Sahara như Ghana, Kenya và Zambia, khoảng 40% nhận khoản thu nhập từ nông nghiệp vào tài khoản, phần lớn là tài khoản thanh toán trên điện thoại di động. Chuyển tiền nội địa – tiền gửi hoặc nhận từ người thân hoặc bạn bè ở vùng miền khác trong phạm vi quốc gia – là phần quan trọng của nền kinh tế ở một số quốc gia. Điển hình là các quốc gia cận sa mạc Sahara, nơi gần một nửa số người trưởng thành gửi hoặc nhận các khoản thanh toán. Ở những quốc gia đang phát triển người trưởng thành gửi hoặc nhận khoản thanh toán nội địa chủ yếu sử dụng một tài khoản.

Trong một nghiên cứu của Ceyla Pazarbasioglu [3] nhận định nhiều người Việt Nam bị loại ra khỏi khu vực tài chính chính thức trong thực tế có nhiều hoạt động tài chính. Cụ thể, 39% người trưởng thành tiết kiệm ngoài khu vực chính thức, hoặc sử dụng phương pháp phi chính thức bao gồm các câu lạc bộ tiết kiệm; 65% nhận hoặc gửi kiều hối ngoài hệ thống chính thức hoặc trả tiền học phí, chi phí sinh hoạt bằng tiền mặt. Một vài cản trở quan trọng nhất trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính chính thức bao gồm: Dịch vụ tài chính quá xa để tiếp cận; dịch vụ tài chính quá đắt để sử dụng; yêu cầu về thủ tục cản trở việc mở một tài khoản; thiếu tin tưởng vào khu vực tài chính. Loại bỏ những rào cản trên, thông qua chính sách, cải cách luật pháp và những quy định có thể giúp chuyển người dùng từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức với sự hiệu quả nhất.

Lê Thị Khuyên, Bùi Ngọc Mai Phương [4] tập trung đánh giá tài chính toàn diện ở phạm vi quốc gia với bộ dữ liệu bao gồm các chỉ tiêu đo lường tài chính toàn diện của 10 nước trong khu vực ASEAN; và nhận thấy vị thế cũng như mức độ tài chính toàn diện ở Việt Nam còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Từ đó, tiếp tục tìm hiểu một số hạn chế đằng sau diễn biến của thực trạng này tại Việt Nam song song với việc nghiên cứu kinh nghiệm triển khai thành công tài chính toàn diện của 4 nước tiêu biểu trong khu vực (Philippines, Indonesia, Malaysia, Campuchia) để khuyến nghị một số chính sách tập trung vào hoàn thiện khung pháp lý cũng như hệ thống chính sách cho việc thực hiện tài chính toàn diện tại Việt Nam ở cấp độ Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tài chính trong thời gian tới.

Phạm Thị Ánh Phương [5] khẳng định Việt Nam có một số lợi thế nhất định trong triển khai tài chính toàn diện như nền tảng công nghệ thông tin (đặc biệt là tỷ lệ người dùng Internet và thiết bị thông minh tăng nhanh), độ bao phủ trên diện rộng các dịch vụ kỹ

thuật số, sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, sự hỗ trợ tích cực của các đối tác phát triển quốc tế... Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức khi xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện, cụ thể: Nhận thức chung của xã hội về tài chính toàn diện chưa đầy đủ; chưa có cơ chế đảm bảo sự cam kết theo đuổi và thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện về tài chính toàn diện ở Việt Nam, đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan; cơ sở dữ liệu về tiếp cận tài chính còn thiếu, chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính toàn diện; cơ sở hạ tầng tài chính còn thiếu và chưa được kết nối đồng bộ; nền tảng đảm bảo an ninh mạng... Bên cạnh đó, còn phải kể đến các rào cản như: Tỷ lệ người nghèo chưa được tiếp cận các nguồn tín dụng và dịch vụ tài chính chính thức còn cao; sự chênh lệch giàu nghèo và sự khác biệt trong phát triển giữa các vùng miền; mức độ nhận thức và phổ cập giáo dục tài chính của người dân; văn hóa và thói quen sử dụng dịch vụ tài chính chính thức... Bài nghiên cứu cũng đề xuất 5 giải pháp thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam.

Tuy nhiên các nghiên cứu chưa phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới sử dụng tài khoản để thanh toán trong tài chính toàn diện tại Việt Nam. Nghiên cứu về thanh toán trong tài chính toàn diện giúp Chính phủ giảm bớt chi phí cho các chương trình trợ cấp an sinh xã hội thông qua việc chi trả qua tài khoản ngân hàng. Đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, phát triển thanh toán trong tài chính toàn diện đồng nghĩa với cơ hội đa dạng sản phẩm dịch vụ và mở rộng cơ sở khách hàng một cách bền vững. Một xã hội với cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính mở rộng cho tất cả mọi người sẽ thúc đẩy sự tham gia của người dân vào đời sống cộng đồng nói chung, cải thiện công bằng và bình đẳng, năng lực của toàn xã hội cũng theo đó được nâng lên. Do đó tìm hiểu, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới thanh toán qua tài khoản cá

nhân trong tài chính toàn diện tại Việt Nam là thực sự cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu dựa trên phân tích Cơ sở dữ liệu tài chính toàn cầu (Global Findex) năm 2017 của Ngân hàng thế giới. Dữ liệu về tiếp cận tài chính cá nhân được thu thập từ hơn 150.000 cá nhân trên 148 quốc gia. Tại Việt Nam, cỡ mẫu là thông tin của 1.002 cá nhân sinh sống ở 52 tỉnh, thành.

2.1. Hiện trạng sở hữu tài khoản thanh toán tại Việt Nam

Cơ sở dữ liệu tài chính toàn cầu (Global Findex) 2017 xác định quyền sở hữu tài khoản là cá nhân (độc lập hoặc chung với cá nhân khác) sở hữu tài khoản tại một tổ chức tài chính hoặc thông qua nhà cung cấp tiền điện thoại di động. Tài khoản cá nhân tại một tổ chức tài chính bao gồm các tài khoản tại ngân hàng hoặc một loại hình tổ chức tài chính chính thức khác, chẳng hạn như: liên minh tín dụng, hợp tác xã hoặc tổ chức tài chính vi mô. Tài khoản cá nhân cũng bao gồm các dịch vụ dựa trên điện thoại di động, không liên kết với tổ chức tài chính, đó là được sử dụng để thanh toán hóa đơn hoặc gửi (nhận) tiền. Những tài khoản tiền điện thoại di động cho phép chủ tài khoản giữ và gửi (nhận) những khoản thanh toán điện tử. Định nghĩa tài khoản thanh toán di động là tài khoản cho phép chủ sở hữu sử dụng những dịch vụ mà không cần phải có một tài khoản ở một tổ chức tài chính.

Có một tài khoản thanh toán chính là người dân đang nắm trong tay một công cụ tài chính quan trọng [1]. Bởi vì với tài khoản này, họ có thể cất trữ tiền, gửi tiết kiệm một cách an toàn, dễ dàng chi trả những hóa đơn, tiếp cận tín

dụng, thực hiện các giao dịch mua bán và nhận (gửi) những khoản trợ cấp. Theo đó, người trưởng thành (người từ 15 tuổi trở lên) sở hữu một tài khoản thanh toán được coi là ưu tiên hàng đầu trong thiết lập tài chính toàn diện.

Theo thống kê của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì tính đến cuối năm 2019 tỷ lệ người trưởng thành sở hữu tài khoản ngân hàng là 63% (khoảng 43 triệu người) tăng gần gấp đôi so với năm 2017 [6]. Một số chỉ tiêu phản ánh hiện trạng thanh toán qua tài khoản cá nhân tại Việt Nam tại bảng 1 cho thấy sự phát triển nhanh chóng của việc không dùng tiền mặt trong thanh toán của người dân [7], cụ thể từ quý I năm 2017 đến quý I năm 2020: Số lượng tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân tăng đáng kể từ 76.651 tài khoản lên 90.840 tài khoản (tăng 18,5%); giao dịch qua thẻ ngân hàng tăng cả về số lượng và giá trị, đặc biệt là thanh toán qua POS/ EFTPOS/ EDC:

+ Giao dịch qua ATM tăng 27,9% về số lượng và tăng 32% về giá trị.

+ Giao dịch qua POS/EFTPOS/EDC tăng 155,3% về số lượng và tăng 79% về giá trị.

Theo đó tỷ trọng tiền mặt lưu thông trong tổng phương tiện thanh toán giảm từ 14,68% (Tháng 1/2017) xuống 11,33% (Tháng 12/2019).

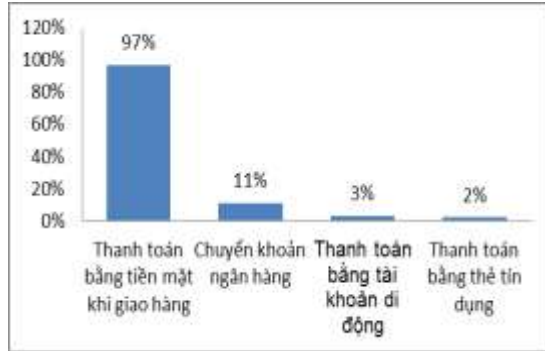
Mặc dù đã có sự phát triển ấn tượng như trên, tuy nhiên trong một nghiên cứu “Khảo sát người tiêu dùng” của Deloitte (Deloitte’s Vietnam Consumer Survey) năm 2019 đã nhận định Việt Nam vẫn là nền kinh tế dựa trên tiền mặt. Người dân (đặc biệt là vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa) chủ yếu thực hiện các giao dịch (kể cả với giao dịch có quy mô lớn như mua nhà, xe hơi,...) bằng tiền mặt.

Bảng 1. Hoạt động thanh toán qua tài khoản cá nhân

Thời gian	Số lượng tài khoản tiền gửi thanh toán của các nhân	Số lượng giao dịch qua ATM	Số lượng giao dịch qua POS/ EFTPOS/EDC	Giá trị giao dịch qua ATM (tỷ đồng)	Giá trị giao dịch qua POS/EFTPOS/ EDC (tỷ đồng)
Quý I/2017	76.651	196.211.319	31.934.092	551.212	82.896
Quý I/2018	70.213	207.668.298	44.310.402	599.472	99.393
Quý I/2019	81.366	232.729.840	55.757.772	676.550	132.922
Quý I/2020	90.840	250.920.307	81.536.628	727.691	148.419

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

Ngay cả với mua sắm trực tuyến, tỷ trọng người dân ưa thích sử dụng các hình thức thanh toán khi mua sắm trực tuyến được trình bày tại hình 1 càng củng cố nhận định trên với 97% số người được tham gia khảo sát thích sử dụng tiền mặt để thanh toán khi giao hàng.



Hình 1. Phương thức thanh toán yêu thích khi mua sắm trực tuyến

(Nguồn: Deloitte's Vietnam Consumer Survey 2019)

Như vậy thúc đẩy thực hiện giao dịch qua tài khoản là một trong những nội dung quan trọng của phát triển tài chính toàn diện. Do đó nghiên cứu tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới sử dụng tài khoản cá nhân trong thanh toán là bước đầu tiên cần thiết phải thực hiện.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích các nhân tố tác động đến sử dụng tài khoản trong thanh toán của các cá nhân, tác giả sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistics với dạng tổng quát như sau:

$$Y = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i + u \quad (1)$$

Trong đó:

- Biến Y: là biến phụ thuộc, đo lường việc sử dụng tài khoản cá nhân để thanh toán. Biến Y chỉ nhận 2 giá trị: Y = 1 (ghi nhận khi cá nhân trả lời “Có sử dụng tài khoản để thanh toán”) và Y = 0 (ghi nhận khi cá nhân trả lời “Không sử dụng tài khoản để thanh toán”).
- Biến X: là biến độc lập, n là số biến độc lập được sử dụng. Trong mô hình này, tác giả tập trung đánh giá ảnh hưởng các yếu tố nhân khẩu học thuộc về cá nhân được khảo sát (giới tính, tuổi, trình độ học vấn, thu nhập, việc làm) tới việc sử dụng tài khoản để thanh toán.

Nếu gọi P là xác suất để một biến cố xảy ra (cá nhân sử dụng tài khoản để thanh toán), thì

1-P là xác suất để biến cố không xảy ra (cá nhân không sử dụng tài khoản để thanh toán). Khi đó, phương trình hồi quy (1) được viết lại như sau:

$$\ln \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_n X_n \quad (2)$$

Thông tin các biến sử dụng trong mô hình hồi quy như sau:

Biến Giới tính là biến có giá trị bằng một nếu cá nhân là nữ giới và có giá trị bằng không thì là nam giới. Tỷ lệ nam giới có tài khoản thanh toán cao hơn nữ giới. Nam giới được kỳ vọng có khả năng sử dụng tài khoản để thanh toán cao hơn nữ giới.

Biến độ tuổi được đo lường bằng hai biến: số tuổi (Tuổi) và số tuổi bình phương (Tuổi²) nhằm kiểm soát mối quan hệ phi tuyến giữa độ tuổi với tiếp cận tài chính cá nhân toàn diện. Người cao tuổi sẽ vấp phải những trở ngại trong sử dụng tài khoản để thanh toán do chịu ảnh hưởng bởi vấn đề sức khỏe (giảm trí nhớ, thể lực,...). Như vậy, tuổi có thể là yếu tố cản trở đối người già trong tiếp cận dịch vụ thanh toán tài chính cá nhân.

Biến Học vấn là biến nhận giá trị 3 nếu cá nhân hoàn thành đại học hoặc sau đại học, nhận giá trị 2 nếu cá nhân hoàn thành bậc trung học, nhận giá trị 1 nếu cá nhân hoàn thành bậc tiểu học hoặc dưới tiểu học. Cá nhân có trình độ học vấn thấp thì khả năng có thể có được những hiểu biết về tài chính, sản phẩm tài chính sẽ thấp hơn. Do đó họ sẽ cũng ít sử dụng các dịch vụ tài chính cá nhân.

Thu nhập của các cá nhân được phân thành 5 nhóm. Nhóm có thu nhập thấp nhất (nhóm nghèo nhất) nhận giá trị 1; nhóm có thu nhập thấp nhận giá trị 2; nhóm có thu nhập trung bình nhận giá trị 3; nhóm có thu nhập trung bình cao nhận giá trị 4; nhóm có thu nhập cao (nhóm giàu nhất) nhận giá trị 5. Cá nhân có thu nhập thấp có xu hướng cho rằng những chi phí phát sinh liên quan đến sở hữu một tài khoản thanh toán, chi phí thanh toán qua tài khoản là cao. Do vậy, người có thu nhập cao được kỳ vọng là có xác suất thanh toán qua tài khoản cao hơn người có thu nhập thấp.

Biến Việc làm thể hiện tình trạng việc làm của cá nhân. Nhận giá trị 1 nếu cá nhân có việc làm. Nhận giá trị 0 nếu cá nhân không có việc làm. Tình trạng việc của cá nhân ảnh hưởng tới việc có một nguồn thu nhập ổn định của cá nhân đó. Những cá nhân có việc làm được dự đoán là có khả năng sử dụng thanh toán qua tài khoản cao hơn cá nhân không có việc làm.

2.3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic ảnh hưởng của các nhân tố Giới tính, Tuổi, Tuổi², Học vấn, Thu nhập, Việc làm được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Các yếu tố tác động đến việc sử dụng tài khoản để thanh toán của cá nhân

Tên biến	Giới tính	Tuổi	Tuổi ²	Học vấn	Thu nhập	Việc làm
Sử dụng tài khoản để thanh toán	-0,57 (0,265)	0,087 (0,060)	-0,001* (0,01)	0,380* (0,216)	0,315** (0,095)	-0,092 (0,365)

(Theo tính toán của tác giả)

Ghi chú: *, ** có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5%. Giá trị trong ngoặc là sai số chuẩn.

Không có sự khác biệt về mức độ sử dụng tài khoản để thanh toán giữa nam và nữ, hay nữ giới cũng có cơ hội sở hữu tài khoản và sử dụng các dịch vụ tài chính như nam giới. Điều này một phần phản ánh thành công những nỗ lực của Việt Nam nhằm giảm thiểu bất bình đẳng giới tính trong tiến trình phát triển kinh tế. Mặt khác, kết quả cũng phản ánh thị trường tài chính vì mô Việt Nam rất tiềm năng khi mà cả nam giới và nữ giới đều có nhu cầu sở hữu tài khoản, sử dụng các dịch vụ tài chính cá nhân.

Tuổi có tác động tới việc sử dụng tài khoản trong thanh toán. Cụ thể biến Tuổi² nhận giá trị âm (-0,001), tác động biên của biến Tuổi² lên khả năng sử dụng tài khoản để thanh toán (trong điều kiện xác định với xác suất ban đầu là 0,5) là 0,00025. Tức khi tuổi càng cao thì xác suất cá nhân sử dụng tài khoản để thanh toán sẽ tăng theo nhưng khi đạt tới một mức tuổi nhất định thì xác suất này lại giảm xuống. Người cao tuổi sẽ có xu hướng ít sử dụng thanh toán qua tài khoản hơn so với người trẻ tuổi. Điều này phù hợp với thực tế vì những giao dịch qua tài khoản đòi hỏi chủ sở hữu phải thực hiện chính xác các quy trình thanh toán gây tâm lý e ngại cho chủ tài khoản lớn tuổi.

Hệ số hồi quy của biến Học vấn = 0,380 (có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa là 0,1). Như vậy, yếu tố trình độ học vấn có mối quan hệ tương quan dương với sử dụng tài khoản để thanh toán. Trình độ học vấn của chủ tài khoản càng cao thì xác suất cá nhân đó sử dụng thanh toán qua tài khoản cũng như các dịch vụ tài chính khác càng tăng. Người dân

khi có kiến thức, hiểu biết về các loại dịch vụ tài chính cũng như các yêu cầu cần thiết để sử dụng dịch vụ sẽ tự tin, tin tưởng sử dụng các dịch vụ trên thị trường tài chính chính thức.

Xác suất cá nhân sử dụng tài khoản để thanh toán phụ thuộc vào thu nhập. Hệ số hồi quy của biến Thu nhập là lớn nhất (0,038), có nghĩa đây là biến có tác động tới khả năng cá nhân sử dụng tài khoản trong thanh toán mạnh nhất. Tác động biên của Thu nhập lên khả năng thanh toán qua tài khoản (với mức xác suất ban đầu là 0,5) bằng 0,0788 với mức ý nghĩa 0,01. Người có thu nhập cao hơn có xác suất tiếp cận, sử dụng dịch vụ tài chính lớn hơn so với người có thu nhập thấp. Điều này là hoàn toàn phù hợp, bởi người có thu nhập cao sẽ có nhiều khả năng tiết kiệm, mua bảo hiểm, thanh toán qua tài khoản, sử dụng các dịch vụ tài chính khác.

Cá nhân có việc làm hay không có việc làm thì xác suất sử dụng tài khoản thanh toán là như nhau. Kết quả này có thể lý giải là người thất nghiệp tuy không có giao dịch thanh toán tiền lương, tiền công qua tài khoản nhưng họ lại có thể có các giao dịch khác qua tài khoản như nhận trợ cấp từ chính phủ, vay vốn từ các tổ chức tài chính, vay (hoặc nhận hỗ trợ) từ người thân,...

3. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả của nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới việc sử dụng tài khoản để thanh toán bao gồm: tuổi, trình độ học vấn, thu nhập. Trong đó trình độ học vấn là yếu tố có tác động mạnh nhất, tiếp sau là thu nhập. Kết quả này giúp đề xuất một số giải pháp nhằm

phát triển thanh toán qua tài khoản cá nhân trong tài chính toàn diện ở Việt Nam, cụ thể:

Giáo dục, tăng cường đào tạo kỹ năng và năng lực tài chính cho người dân để họ có thể tiếp cận, sử dụng có trách nhiệm các dịch vụ tài chính, quản lý tốt hơn tình hình tài chính đóng vai trò quan trọng để phát triển thanh toán cá nhân trong tài chính toàn diện. Do đó giáo dục tài chính nhằm cung cấp những kiến thức cần thiết về sản phẩm tài chính cho người dân đóng vai trò trực tiếp thúc đẩy sự phát triển của tài chính toàn diện quốc gia. Được trang bị kiến thức tài chính, người dân sẽ chủ động tiếp cận đến các sản phẩm, dịch vụ trên thị trường tài chính chính thức, hạn chế tiếp cận nguồn tài chính từ thị trường tài chính phi chính thức. Mặt khác họ sẽ có xu hướng tiết kiệm, quản lý ngân sách tốt hơn cũng như yên tâm sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Việc nâng cao hiểu biết cho người dân về những sản phẩm, dịch vụ tài chính có thể thực hiện bằng cách lồng ghép các kiến thức này vào chương trình giáo dục hỗ trợ cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua chương trình phổ biến kiến thức cộng đồng trên các kênh truyền thông (truyền hình, báo đài, báo viết).

Nhóm người dân có trình độ học vấn thấp và thu nhập thấp là nhóm dễ bị tổn thương, ít có cơ hội tiếp cận/sử dụng dịch vụ tài chính. Các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính (đặc biệt là các tổ chức tài chính vi mô, tổ chức tín dụng phi ngân hàng) cần hướng tới cung cấp dịch vụ tài chính cơ bản, đa dạng hóa sản phẩm cho vay, tín dụng... cho các đối tượng yếu thế. Ngoài ra cần có sự kết hợp giữa ngân hàng và viễn thông để phát triển, ứng dụng các phương tiện và mô hình thanh toán, chuyển tiền hiện đại, dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở nông thôn (thanh toán qua điện thoại di động, thiết bị kỹ thuật số...) nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt ở những khu vực kinh tế khó khăn.

Theo Báo cáo Thị trường quảng cáo số Việt Nam của Adsota năm 2019 [8], Việt Nam có 145,8 triệu tài khoản di động, số người sử dụng Internet là khoảng 68 triệu người (chiếm 70% tổng dân số), tỷ lệ người dùng điện thoại sử dụng điện thoại thông minh (smartphone)

là 72%. Đây chính là điều kiện thuận lợi cho tổ chức tài chính phát triển và cung ứng dịch vụ thanh toán qua di động. Đồng thời nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý và hỗ trợ các tổ chức phi ngân hàng tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán hiện đại; đẩy mạnh hợp tác hiệu quả giữa ngân hàng – Fintech nhằm mở rộng địa bàn và đối tượng phục vụ để cung ứng dịch vụ ngân hàng, phù hợp nhu cầu, chi phí hợp lý tới khách hàng, phổ cập dịch vụ tài chính tới người dân.

Lời cảm ơn

Xin chân thành cảm ơn trường ĐH Công nghệ thông tin và Truyền thông đã tài trợ kinh phí thực hiện nghiên cứu. Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở (Mã số: T2020-07-09).

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. Worldbank, "The global Findex database 2017," 2017. [Online]. Available: <https://globalfindex.worldbank.org>. [Accessed December 24, 2019].
- [2]. Vietnamese Prime Minister, "Decision 149 / QĐ-TTg approving the National Comprehensive Financial Strategy until 2025, with orientations to 2030," January 22, 2020. [Online]. Available: <http://chinhphu.vn>. [Accessed May 24, 2020].
- [3]. C. Pazarbasioglu, "Vietnam's financial inclusion priorities: Expanding financial services and moving to a 'non-cash' economy," Worldbank, June 06, 2017. [Online]. Available: <https://blogs.worldbank.org>. [Accessed May 30, 2020].
- [4]. T. K. Le, and N. M. P. Bui, "Access to financial inclusion of ASEAN countries and some recommendations for Vietnam," Vietnam Banking Review, vol. 1, pp. 40-45, 2018. [Online]. Available: <http://tapchi-nganhang.com.vn>. [Accessed May 24, 2020].
- [5]. T. A. P. Pham, "Financial inclusion development in the current context," *Financial Journal*, vol. 1, no. 12, pp. 73-75, 2017.
- [6]. T. T. H. Tran, "Non-cash payment in Vietnam - Situation and Solutions," *Numbers and Events Journal*, vol. 4, no. 1, pp. 23-25, 2017.
- [7]. P. W. Meng, "The Vietnam consumer survey," Deloitte Southeast Asia Ltd, January, 2020. [Online]. Available: <https://www2.deloitte.com>. [Accessed May 30, 2020].
- [8]. Adsota team, "Vietnam Digital Advertising Report 2019," Asoda, February 20, 2020. [Online]. Available: <https://adsota.com/report-vi.html>. [Accessed May 30, 2020].